

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

VỀ NHỮNG LỖI KHI SỬ DỤNG THỂ BỊ ĐỘNG TRONG TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN NGỮ TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

SOME COMMON MISTAKES IN USING ENGLISH PASSIVE BY NON-MAJOR STUDENTS OF ENGLISH AT HỒNG ĐỨC UNIVERSITY

NGUYỄN THANH MINH

(ThS-NCS; Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa)

Abstract: It cannot be denied that English passive voice has its own properties, and it also causes non-major students of English at Hồng Đức University (HDU) a lot of difficulties due to its complexity, variety in forms and meaning when compared with Vietnamese. Because of its significance, this paper specializes in investigating some common mistakes in using English passive voice made by non-major students of English at HDU then suggesting solutions to overcome. In this paper, the mistakes in using English passive are listed systematically and logically so that it is easily understandable with the theory of English passive and suggestions. Further more, mistakes are also found in translating English passive sentences into Vietnamese ones. It is hoped that the finds as well as the suggestions will be helpful for both Vietnamese teachers and students of English.

Key words: passive; active voice; tenses; past participle; structures; correct; mistakes.

1. Đặt vấn đề

Tại trường Đại học Hồng Đức (ĐHHĐ), môn tiếng Anh dành cho các đối tượng không chuyên đang thực sự được quan tâm. Trong quá trình dạy học tiếng Anh, chúng tôi nhận thấy có rất nhiều sinh viên mắc lỗi về sử dụng động từ nói chung và đặc biệt là thể bị động (Passive voice) trong tiếng Anh. Đây dường như là một khó khăn của sinh viên không chuyên ngữ của trường ĐHHĐ.

Với mục đích giúp các sinh viên không chuyên ngữ về vấn đề thể bị động và nhằm giải quyết các khó khăn về câu bị động, chúng tôi đã tiến hành trắc nghiệm các dạng bài tập về thể bị động trong tiếng Anh, phân tích các lỗi của sinh viên và rút ra những gợi ý cho các sinh viên nhằm khắc phục các lỗi thường gặp khi sử dụng thể bị động.

2. Các lỗi thường gặp của sinh viên khi sử dụng thể bị động

2.1. Các dạng bài tập

Thể bị động (passive voice), xét về mặt chức năng, khái niệm này đề cập trực tiếp đến mối quan hệ ngữ pháp giữa động từ và các thành tố ngữ pháp nòng cốt là chủ ngữ và tân ngữ. Thể bị động là một khái niệm phạm trù rất phổ biến trong ngữ pháp tiếng Anh, một phạm trù ngữ pháp mà tân ngữ của động từ đứng ở vị trí của chủ ngữ. Theo đó, câu có thể bị động là câu mà trong đó chủ ngữ trong câu không thực hiện

hành động mà ngược lại bị tác động lên bởi một yếu tố khác. Dạng thức câu bị động trong tiếng Anh thường có dạng: **(to) be + main verb (Past participle)**. Ví dụ:

- The book was written by Mr. Smith.
- Nam likes to be called "Sir"
- The roof is being repaired by a friend of ours.

Đối tượng thực nghiệm là 43 sinh viên lớp K14 ngành xã hội học, khoa Khoa học Xã hội, ĐHHĐ. Tất cả các em đều đã học qua môn tiếng Anh ở trường phổ thông và thi qua học phần tiếng Anh 1 ở ĐHHĐ.

Chúng tôi đưa ra 5 dạng bài tập như sau:

1. Rewrite the following sentences but they must keep the same meaning as the original ones.
2. Give the correct form of the verb in brackets
3. Translate the following sentences into English
4. Translate the following sentences into Vietnamese
5. Find the mistakes in the following sentences

2.2. Kết quả và nhận xét

Kết quả như sau:

Dạng bài tập	Tỉ lệ phần trăm SV mắc lỗi	Tỉ lệ phần trăm SV làm Đúng
Dạng bài tập 1	68%	32%
Dạng bài tập 2	57%	43%

Dạng bài tập 3	61%	49%
Dạng bài tập 4	43%	57%
Dạng bài tập 5	63%	37%

Nhận xét: Từ những bài tập khảo sát trên, có thể thấy sinh viên thường mắc những lỗi cơ bản sau:

Thứ nhất, nhầm lẫn trong cách sử dụng “by”.

Một số sinh viên thường nhầm lẫn trong việc sử dụng “by”: bỏ “by” khi cần thiết và sử dụng “by” khi không cần thiết; tạo nên sự dư thừa trong câu. Ví dụ:

a. *People grow trees in this area.*

Sai: *Trees are grown in this area by people.*

Đúng: *Trees are grown in this area.*

b. *Someone picked her up last night.*

Sai: *She was picked up last night by someone*

Đúng: *She was picked up last night.*

Trong khi đó, một số sinh viên lại bỏ “by” khi câu cần phải có để chuyển tải đầy đủ nghĩa của câu. Ví dụ:

What he said made me sad.

Sai: *I was made sad.*

Đúng: *I was made sad by what he said.*

Đôi khi sinh viên vẫn nhầm lẫn giữa cách sử dụng “by” và các giới từ khác trong câu bị động. Ví dụ:

Sai: *The arttice was written by a pencil.*

Đúng: *The arttice was written with a pencil.*

Thứ hai, lỗi khi chuyển câu chủ động ở dạng câu hỏi sang câu bị động.

Một số sinh viên không nắm được cách chuyển dạng câu ở thể chủ động sang dạng câu hỏi. Ví dụ:

Who composed the song “Điều giản dị”?

Sai: *The song “Điều giản dị” was composed by whom?*

Đúng: *By whom was the song “Điều giản dị” composed?*

Thứ ba, lỗi khi chuyển câu chủ động sang câu bị động có động từ đi kèm với giới từ.

Khi viết lại câu chủ động sang thể bị động mà trong câu có động từ đi cùng với giới từ, nhiều sinh viên thường có thiên hướng bỏ giới từ. Ví dụ:

Children often look up to strict teachers.

Sai: *Strict teachers are often looked up by children.*

Đúng: *Strict teachers are often looked up to by children.*

Để giải quyết vấn đề này, sinh viên cần chú ý hơn tới giới từ khi chuyển câu có cụm động từ có giới từ sang thể bị động. Cần phải ghi nhớ rằng giới từ luôn

theo sau động từ khi câu được chuyển sang thể bị động.

Thứ tư, lỗi khi dịch nghĩa câu từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Khi chuyển nghĩa của câu từ tiếng Anh sang tiếng Việt, rất nhiều sinh viên bị ảnh hưởng bởi dạng/thể của động từ trong câu tiếng Anh sang tiếng Việt. Sinh viên thường giữ nguyên thể khi dịch chuyển nghĩa. Ví dụ:

a. *A new school will be built by some sponsors of ABC company next month.*

Giữ nguyên: *Một ngôi trường mới sẽ được xây bởi các nhà tài trợ thuộc công ty ABC vào năm tới.*

Phải là: *Các nhà tài trợ thuộc công ty ABC sẽ xây một ngôi trường mới vào năm sau.*

b. *BBC channel is watched by millions of people around the world.*

Giữ nguyên: *Kênh BBC đang được xem bởi hàng triệu người trên toàn thế giới.*

Phải là: *Hàng triệu người trên toàn thế giới đang xem kênh BBC.*

Thứ năm, lỗi sử dụng dạng động từ quá khứ phân từ trong câu ở thể bị động

Khi chuyển câu từ chủ động sang bị động, nhiều sinh viên không nhớ được dạng động từ quá khứ phân từ (Past participle) của động từ chính trong câu bị động hoặc thường áp dụng duy nhất 1 cách khi dùng động từ quá khứ phân từ, đó là V-ed. Ví dụ:

a. *They hit him last night.*

Sai: *He was hited last night.*

Đúng: *He was hit last night.*

b. *They read the book every day.*

Sai: *The book is readeed every day.*

Đúng: *The book is read every day.*

c. *People will plan a new project.*

Sai: *A new project will be planed.*

Đúng: *A new project will be planned.*

d. *She found her cat in the corner of the street.*

Sai: *Her cat was founded in the corner of the street.*

Đúng: *Her cat was found in the corner of the street.*

Từ những ví dụ trên, có thể thấy rằng, một số sinh viên không nắm rõ dạng quá khứ phân từ của động từ, như là động từ “hit, read”; trong khi đó một số sinh viên khác lại không hiểu cách gấp đôi phụ

âm cuối trong một số trường hợp động từ như động từ “plan”. Bên cạnh đó, vẫn có những sinh viên mắc lỗi nhầm lẫn động từ “find” (tìm thấy) có dạng quá khứ và quá khứ phân từ là “found” với động từ “found” mang nghĩa “thành lập”. Do vậy, sinh viên cần luyện tập và học thuộc cách dùng của những động từ ở dạng bất quy tắc cũng như cách thêm đuôi “ed” vào sau động từ ở những trường hợp đặc biệt.

Thứ sáu, lỗi nhầm lẫn thời (tenses) của động từ

Khi phải chuyển đổi câu từ thể chủ động sang bị động, nhiều sinh viên thường có thói quen không giữ nguyên “thời” của động từ trong câu chủ động khi chuyển sang câu bị động. Đôi khi sinh viên còn không nhận biết được thời của động từ, đặc biệt là với động từ có hình thức giống nhau ở các thời hiện tại, quá khứ và quá khứ phân từ. Ví dụ:

a. *The nurse is looking after his mother in the clinic.*

Sai: *His mother is looked after in the clinic.*

Đúng: *His mother is being looked after in the clinic.*

b. *They cut the grass last week.*

Sai: *The grass is cut last week.*

Đúng: *The grass was cut last week.*

Từ đó có thể nhận thấy rằng, một số sinh viên vẫn chưa hiểu kĩ về thời trong tiếng Anh, do vậy các sinh viên này thường mắc lỗi và không thể sử dụng câu ở thể bị động một cách nhuần nhuyễn.

Thứ bảy, lỗi nhầm lẫn về thể (Voice) trong tiếng Anh

Trong tiếng Anh, không phải tất cả các động từ đều có thể dùng ở thể bị động. Đặc biệt là với những động từ không có tân ngữ (object) và một số động từ có nghĩa cụ thể, như *to be (là)*, *to have (có)*, v.v. Khi làm bài tập, sinh viên thường cố gắng chuyển đổi dạng của động từ trong câu chủ động sang bị động mà không quan tâm xem động từ đó có chuyển được hay không. Ví dụ: *I have a dog at home*

Sai: *A dog is had at home.*

She is in the living room.

They are learning in class.

Đôi khi dịch nghĩa của câu từ tiếng Việt sang tiếng Anh, sinh viên cũng bị nhầm lẫn về thể của động từ và thường giữ nguyên nghĩa đó sang tiếng Anh. Ví dụ:

a. *Sau cơn bão, chúng tôi đã bị mất tất cả.*

Sai: *After the storm, we were lost everything.*

Đúng: *After the storm, we lost everything.*

b. *Chúng tôi vừa nhận được những món quà từ phía nhà tài trợ.*

Sai: *We have just been received nice presents from sponsors.*

Đúng: *We have just received nice presents from sponsors.*

c. *Nó đã bị nhân điểm kém.*

Sai: *He was got bad marks.*

Đúng: *He got bad marks.*

Rất nhiều sinh viên cho rằng câu có chứa từ “được, bị” là những câu ở thể bị động. Do vậy, khi dịch sang tiếng Anh hoặc khi tạo câu mang nghĩa “được, bị”, sinh viên thường dùng ở thể bị động.

Thứ tám, lỗi nhầm lẫn trong việc sử dụng một số cấu trúc khác của thể bị động

Đối với những câu có nhiều hơn một động từ, và những trường hợp động từ cần chuyển sang thể bị động lại nằm ở động từ thứ 2 trong câu thì thường đòi hỏi cách chuyển riêng. Ví dụ:

Chủ động: *We saw them eat in the kitchen.*

Bị động: Sai: *They were seen eat the kitchen.*

Đúng: *They were seen to eat in the kitchen.*

Chủ động: *They will get him to fix the computer.*

Bị động: Sai: *He will be got to fix the computer.*

Đúng: *They will get the computer fixed.*

Chủ động: *He wants me to take the photograph.*

Bị động: Sai: *I am wanted to take the photograph.*

Đúng: *He wants the photograph taken.*

Từ những ví dụ trên có thể thấy sinh viên thường mắc lỗi với những động từ đứng sau động từ chính của câu. Để khắc phục, sinh viên cần hiểu rõ một số mẫu câu khi chuyển sang thể bị động ở dạng đặc biệt. Ví dụ như mẫu câu:

Chủ động	Bị động
To see/ watch/ hear/ make + sb + do sth	Sb + be + seen/ watched/ heard/ made + to do sth
To let + sb + do sth	To let sth + be + done
To have + sb + do sth To get + sb + to do + sth	To have/ get + sth + done
To want/ like + sb + to do sth	To want/ like + sth + to be + done

Với những dạng câu như thế này, sinh viên thường mắc lỗi khi sử dụng, khi làm bài tập dịch sang tiếng Anh, chọn dạng đúng của động từ hoặc chuyển câu sang thể bị động. Đặc biệt với những cấu trúc khó và đặc biệt không theo một mẫu chuyển đổi nhất định hoặc dịch sang tiếng Việt với những cụm từ là chủ ngữ của câu chủ động khi được viết ở dạng bị động như “người ta” hay “mọi người”. Ví dụ: *She was said to leave the town last night.*

Sai: *Cô ấy được nói là đã rời thị trấn tối qua.*

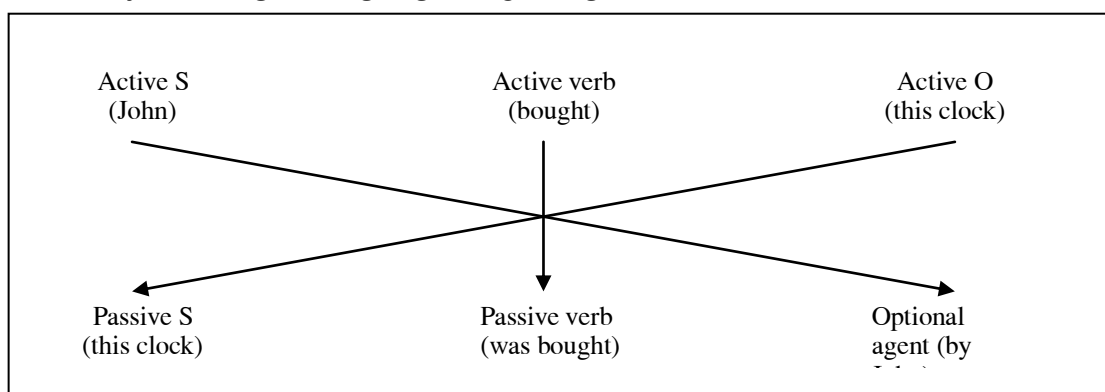
Đúng: *Người ta nói rằng cô ấy đã rời thị trấn tối qua.*

It is believed that she is the best learner here.

Sai: *Nó được tin rằng cô ấy là học viên tốt nhất ở đây.*

Đúng: *Người ta tin rằng cô ấy là học viên tốt nhất ở đây.*

Cách thức chuyển câu dạng chủ động sang bị động thường có mẫu sau:



Ví dụ:

A lot of people around the world watch BBC channel every day.

BBC channel is watched every day by a lot of people.

Hai là, sinh viên cần nắm được các dạng khác của câu ở thể bị động như đã đề cập ở trên như:

Subject + have + Object 1 + Verb (infinitive without “to”) + Object 2; Subject + get + Object 1 + Verb (infinitive with “to”) + Object 2.

=> **Subject + have/ get + Object 2 + Verb (Past participle).**

Ví dụ: *They got him pull down the trees.*

=> *They got the trees pulled down.*

Hoặc như: Subject 1 + say/ think/ ...

(that) subject 2 + verb.

3. Một số giải pháp khắc phục

Từ những phân tích và gợi ý ở trên, theo chúng tôi, có thể khắc phục những lỗi trên bằng một số giải pháp sau:

Một là, sinh viên cần được giải thích và làm rõ cấu trúc của câu bị động ở dạng cơ bản nhất, cách sử dụng cũng như cách chuyển câu từ thể chủ động sang thể bị động. Cấu trúc cơ bản của câu ở thể bị động là: **Subject + auxiliary verb (be) + main verb (past participle)**

Trong câu chủ động, chủ ngữ (subject) là đối tượng/ tác nhân thực hiện hành động, đối tượng tiếp nhận hành động là tân ngữ (object). Tuy nhiên với câu bị động, đối tượng chịu sự tác động của động từ chính là chủ ngữ của câu, động từ chính của câu bị động luôn ở dạng quá khứ phân từ (Past participle).

=> *It + be + Said/ thought/ ... that subject 2 + verb.*

=> *Subject 2 + be + Said/ thought/ ... verb (“to” infinitive)*

Cũng như đối với một số trường hợp đặc biệt khác như đã trình bày ở trên. Ví dụ:

a. *He wants her to help his assistants.*

He wants his assistants to be helped.

b. *He wants her to help him.*

He wants to be helped.

He likes people calling him “sir”.

He likes being called “sir”.

Ba là, bên cạnh đó, sinh viên cũng cần phải hiểu khác nhau giữa câu ở thể chủ động và bị động. Xét ví dụ: “*John bought this clock*” và “*This clock was bought by John*”, sẽ thấy sự khác nhau về dạng thức của động từ. Trong câu chủ động là động từ chính

“bought” còn trong câu bị động là sự xuất hiện của động từ “to be” – “Was”. Hơn nữa, vị trí của các từ trong câu chủ động và bị động đã có sự thay đổi. Sự thay đổi vị trí của thành phần câu do Subject của câu chủ động thành Object của câu bị động và Object của câu chủ động thành subject của câu bị động. Bên cạnh đó, cấu trúc câu chủ động thường mang nghĩa “trực tiếp” và thường nhấn mạnh vào đối tượng thực hiện hành động và đối tượng thực hiện hành động thường để đầu câu. Ngược lại, ở cấu trúc bị động thường mang nghĩa “gián tiếp” và thường không nhấn mạnh vào đối tượng thực hiện hành động bởi vì đối tượng thực hiện hành động có thể là không rõ ràng và không cần được biết đến.

Bốn là, sinh viên cũng cần biết được sự khác nhau cũng như giống giữa thể chủ động và bị động trong tiếng Anh.

+ Sự giống nhau: Cả trong tiếng Anh và tiếng Việt đều cần câu có dạng: S + V + O thì mới có thể chuyển sang bị động. Ví dụ:

Anh: *All the students completed the exercises quickly.*

The exercises were completed quickly by all students.

Việt: *Tất cả sinh viên đã hoàn thành bài tập rất nhanh.*

Bài tập đã được tất cả sinh viên hoàn thành rất nhanh.

Hơn nữa, cả trong tiếng Anh và tiếng Việt, tác nhân thực hiện hành động ít khi được đề cập tới, đặc biệt với những câu mà đối tượng thực hiện hành động là không rõ ràng và không xác định. Ví dụ:

Anh: *A lot of ordinary people were killed.*

Việt: *Rất nhiều dân thường bị sát hại.*

Tác nhân của hành động chỉ được nhắc tới khi cần. Và cả trong thể bị động của cả trong tiếng Anh và tiếng Việt, tân ngữ (object) của câu chủ động đều là chủ ngữ (subject) của câu bị động. Ví dụ:

Anh: *Nam helped Hoa to learn English.*

Hoa was helped to learn English by Nam.

Việt: *Nam đã giúp Hoa học tiếng Anh.*

Hoa đã được Nam giúp học tiếng Anh.

+ Sự khác nhau: Khác biệt rõ ràng nhất trong thể bị động trong tiếng Anh và tiếng Việt đó là, thể bị động không phải lúc nào cũng tồn tại mà chỉ tồn tại với những động từ hoặc các trường hợp nhất định.

Thứ nữa, “được” và “bị” không phải luôn luôn là bị động trong tiếng Việt. Ví dụ:

Anh: *I was sick.* Việt: *Tôi bị ốm.*

Mom shouted at me => I was shouted at by mom.

Mẹ mắng tôi => Tôi bị mẹ mắng.

Trong tiếng Việt, thể bị động thường được dùng để thể hiện thái độ tiêu cực của người nói. Ngược lại, trong tiếng Anh, bị động thường được sử dụng để tránh đề cập tới đối tượng thực hiện hành động.

4. Kết luận

Với những gì đã trình bày ở trên qua việc trải nghiệm sử dụng thể bị động của nhóm sinh viên thuộc lớp k14 ngành xã hội học trường ĐHHĐ, chúng tôi hi vọng các bạn sinh viên sẽ có thể hiểu biết về thể bị động trong tiếng Anh và có cách học hiệu quả nhất. Việc trải nghiệm này cũng đã giúp tôi thu được những kết quả tích cực nhất định khi phân tích lỗi của sinh viên. Đến nay đã có hơn 85% sinh viên lớp này sử dụng đúng câu ở thể bị động và dịch câu sang tiếng Anh mắc rất ít lỗi và đạt độ chính xác cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (1984), *Cấu trúc câu đơn tiếng Việt*. Hà Nội: Trường Đại học Sư phạm 1.
2. Diệp Quang Ban - Hoàng Văn Thung (1991), *Ngữ pháp tiếng Việt 1*. Nxb Giáo dục.
3. Nguyễn Tài Cẩn (1992), *Ngữ pháp tiếng Việt. (Tiếng-từ ghép- đoán ngữ)*. NXB. GD.
4. Nguyễn Kim Thân (1977), *Động từ trong tiếng Việt*. Hà Nội: NXB KHXH.
5. Alexander, L.G (1988), *Longman English grammar*. London and New York: Longman Group Ltd.
6. A zar, B.S (1991), *Understanding and using English grammar*. Prentice Hall Regents.
7. Cobuild, C (1990), *English grammar*. London: Collins Publishers.
8. Eastwood, J (1994), *Oxford guide to English grammar*. Oxford: Oxford University Press.
9. Gordon, E.M & Krilova, I.P (1973), *The English verbals*. Moscow.
10. Quirk, R & Greenbaum, S (1973), *A University grammar of English*. London; Longman Group Ltd.
11. Swan, M (1995), *Practical English usage*. Oxford: Oxford University Press.
12. Thomson, A.J & Martinet, A.V (1986), *A Practical English grammar*. Oxford: Oxford University Press.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 23-07-2014)